

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-ST

Ngày 26/10/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc C

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T;  
xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm  
2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng  
10 năm 2022;

Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 05/3/1997 tại: Xã X, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: C giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T; con bà Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2022 đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 15/01/2003 tại: tại: Xã X, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: C giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T; con bà Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2022 đến nay; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Chị Trần Thị S, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, T; Có mặt.

2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1974, địa chỉ: Số nhà 469C, đường L, phường A, Quận 12, thành phố H; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tống Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh T; Vắng mặt.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 18/6/2022, Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 cùng Nguyễn Văn C, sinh năm 2003 (em ruột P) đều trú tại thôn V, xã X, huyện T đi làm C trình cho C ty may M ở xã X. Khi đến C ty, P rủ C nghỉ làm đi chơi thì C đồng ý. C đã mượn xe máy Honda Wave Alpha màu xanh đen, BKS 36D1-731.17 của anh Trịnh Văn H (sinh năm 1990, trú tại thôn N, xã X, huyện T). Sau đó, C điều khiển xe chở P chạy về hướng thị trấn T. Trên đường đi, P bàn với C đi trên đường nếu thấy người nào có tài sản sơ hở thì giật mang bán lấy tiền tiêu xài thì C đồng ý. C dừng xe cùng P tháo biển kiểm soát cất vào trong cốp rồi tiếp tục chở P đi xung quanh khu vực thị trấn T tìm đối tượng để cướp giật tài sản.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, C chở P di chuyển sang xã X. Khi đến trường Trung học phổ thông Lê Hoàn thì P phát hiện chị Trần Thị S (sinh năm 1982, trú tại thôn C, xã T, huyện T) điều khiển xe máy Honda Wave RSX màu trắng, BKS 36G5-228.48 đi cùng chiều phía trước, Ti quần sau bên trái hờ 1/3 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh. P nói với C đi theo đến chờ thời cơ để cướp giật. Khi đến đoạn đường vắng thuộc thôn P, xã T, huyện T, P nói với C điều khiển xe đi lên áp sát xe chị S. Khi hai xe cách nhau khoảng 50cm thì P dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị S rồi C tăng tốc, nhanh chóng tẩu thoát. C và P chạy sang thị trấn T, mang điện thoại vừa cướp được bán cho ông Lê Văn B (sinh năm 1963) chủ cửa hàng điện thoại B Tâm ở tiểu khu 4, thị trấn T với giá 1.100.000 đồng. Số tiền bán được, P và C mang đi tiêu xài hết.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, C điều khiển xe chở P từ thị trấn T về huyện T. Khi đi qua đoạn đường thuộc thôn D, xã T, huyện T, P phát hiện chị Lê Thị T (sinh năm 1974, trú tại số nhà 469C, đường L, phường Thới An, Quận 12, thành phố H) điều khiển xe mô tô BKS 36B8-675.15 đi cùng chiều phía trước,

Ti quần bên trái hở 1/3 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A750 màu xanh. P nói với C đi theo sau được khoảng 500m thì áp sát lại, P dùng tay pH giật lấy điện thoại của chị T rồi C tăng tốc, nhanh chóng tẩu thoát. P và C chạy vòng theo hướng về huyện T, mang điện thoại bán cho anh Tống Văn T (sinh năm 1988) chủ cửa hàng điện thoại Việt T ở thôn X, xã D, huyện T với giá 600.000 đồng. Sau đó, C chở P theo hướng xã D về huyện T, đến đoạn đường vắng, C dừng xe để lắp lại biển kiểm soát cho xe mô tô. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, C mang xe mô tô trả cho anh H. Số tiền bán được, P và C cùng nhau tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 22/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.229.200 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/2022/HĐ-ĐGTS ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A750 màu xanh tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 800.000 đồng.

Đối anh Trịnh Văn H không biết việc C và P mượn xe sử dụng vào mục đích cướp giật tài sản, Cơ quan điều tra đã lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 36D1-731.17 cho anh H.

Đối với ông Lê Văn B và anh Tống Văn T không biết tài sản mà P và C mang bán là do phạm tội, cơ quan điều tra không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Trần Thị S và chị Lê Thị T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B và anh Tống Văn T không có yêu cầu bồi thường gì.

Tang vật thu giữ: 01 áo phông cộc tay màu đen, viền tay và cổ áo màu trắng, bên dưới có chữ FearOfGod; 01 Quần thun màu đen; 01 Quần thun màu đen có 03 sọc trắng dọc theo ống quần, bên ống quần trái có logo Abodisi; 01 áo phông màu xôm, ngực trái có logo Adidas, bên cánh pH có sọc đen trắng; 01 áo dài tay có mũ trùm đầu màu đen; 01 đôi dép màu nâu đỏ, gồm một chiếc trái và một chiếc pH; 01 đôi dép xốp, loại quai ngang màu đen, đỏ, gồm một chiếc trái và một chiếc pH. Số tang vật trên hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSTX ngày 19/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố: Các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị hại là chị Trần Thị S có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (S) tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 (ba) năm 06 (S) tháng đến 04 (bốn) năm tù;

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy toàn bộ tang vật thu giữ, truy thu các bị cáo số tiền thu lợi bất chính do bán tài sản chiếm đoạt được.

Về án phí: Buộc các bị cáo PH chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Sáng ngày 18/6/2022 các đối tượng Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C đã bàn bạc, thống nhất với nhau về việc đi chiếm đoạt tài sản của người đi đường lấy tiền tiêu xài. Khoảng 09 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô BKS 36G5 – 228.48 chở P di chuyển sang xã X, sau đó đến đoạn đường vắng thuộc thôn P, xã T, huyện T thì C đã điều khiển xe áp sát để cho P giật chiếc điện thoại của chị Trần Thị S có giá trị 3.229.200 đ rồi tăng tốc, nhanh chóng tẩu thoát.

Đến chiều cùng ngày, với thủ đoạn tương tự khi đi qua đoạn đường thuộc thôn D, xã T, huyện T, C đã áp sát lại để cho P dùng tay pH giật lấy điện thoại của chị Lê Thị T có giá trị 800.000 đ. Tổng số tiền P và C đã chiếm đoạt của các bị hại là 4.029.200 đ.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Việc dùng xe mô tô cướp giật tài sản của người đi đường là “thủ đoạn nguy hiểm”. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C đã đủ cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản với tính chất tội phạm rất nghiêm trọng. Các bị cáo vì muốn có tiền để tiêu xài đã bất chấp pháp luật phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng, bất B trong nhân dân, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa P.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc phân C vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Xét vai trò, tính chất và mức độ của từng bị cáo khi thực hiện hành vi để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo P là người rủ rê bị cáo C và cũng là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất, còn bị cáo C chỉ phạm tội với vai trò giúp sức. Do đó mức hình phạt của bị cáo P pH cao hơn bị cáo C.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên pH chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra

cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại là chị Trần Thị S xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành C dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận xét, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết pH áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, bắt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về phần dân sự:

- Bị hại là chị Trần Thị S và chị Lê Thị T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn B và anh Tống Văn T không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 áo phong cộc tay màu đen, viền tay và cổ áo màu trắng, bên dưới có chữ FearOfGod; 01 Quần thun màu đen; 01 Quần thun màu đen có 03 sọc trắng dọc theo ống quần, bên ống quần trái có logo Abodisi; 01 áo phong màu xôm, ngực trái có logo Adidas, bên cánh pH có sọc đen trắng; 01 áo dài tay có mũ trùm đầu màu đen; 01 đôi dép màu nâu đỏ, gồm một chiếc trái và một chiếc pH; 01 đôi dép xốp, loại quai ngang màu đen, đỏ, gồm một chiếc trái và một chiếc pH. Đây xác định là các C cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy. Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo đúng quy định của pháp luật.

Cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo thu lời bất chính từ việc bán các tài sản đã chiếm đoạt mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường. (Của anh Lê Văn B là 1.100.000 đ, của anh Tống Văn T là 600.000 đ. Tổng cộng là 1.700.000 đ, mỗi bị cáo pH nộp 850.000 đ).

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối anh Trịnh Văn H không biết việc C và P mượn xe sử dụng vào mục đích cướp giật tài sản nên cơ quan điều tra đã lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 36D1-731.17 cho anh H là phù hợp.

Đối với ông Lê Văn B và anh Tống Văn T không biết tài sản mà P và C mang bán là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo pH nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C phạm tội “Cướp giật tài sản”;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo phong cộc tay màu đen, viền tay và cổ áo màu trắng, bên dưới có chữ FearOfGod; 01 Quần thun màu đen; 01 Quần thun màu đen có 03 sọc trắng dọc theo ống quần, bên ống quần trái có logo Abodisi; 01 áo phong màu xám, ngực trái có logo Adidas, bên cánh pH có sọc đen trắng; 01 áo dài tay có mũ trùm đầu màu đen; 01 đôi dép màu nâu đỏ, gồm một chiếc trái và một chiếc pH, đã qua sử dụng; 01 đôi dép xốp, loại quai ngang màu đen, đỏ, gồm một chiếc trái và một chiếc pH, đã qua sử dụng. Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 82 ngày 26/9/2022.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn P 850.000 đ, của bị cáo Nguyễn Văn C 850.000 đ

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- C an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc C**